TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẤP VÒ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 61/2018/HNGĐ-ST Ngày: 29 – 11 - 2018 V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con sau khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Nội.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Hồng Quân.

2. Ông Nguyễn Minh Triều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Khánh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 257/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2018 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con sau khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2018/QĐXX-ST ngày 19 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên toà số 71/2018/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị Thanh H, sinh năm 1986, địa chỉ: Ấp TĐ B, xã TB, huyện CG, tỉnh TG.

- *Bị đơn*: Anh Hà Văn A, sinh năm 1972; địa chỉ: ấp AQ, xã HA, huyện LV, tỉnh ĐT.

(Chị H có mặt, anh A vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/8/2018 và lời khai tại phiên toà, nguyên đơn chị Phạm Thị Thanh H trình bày:

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Thanh H và anh Hà Văn A không có tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại UBND xã TB, huyện CG, tỉnh TG vào ngày 20/9/2013. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh

mâu thuẩn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và từ ngày 20 tháng 10 năm 2015 vợ chồng đã sống xa nhau cho đến nay. Xét thấy tình cảm của vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị Phạm Thị Thanh H yêu cầu được ly hôn với anh Hà Văn A.

2. Về con chung: Trong quá trình sống chung vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Thị Như B, sinh ngày 11/12/2015, hiện nay con đang sống chung với chị H. Sau khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

- Bị đơn anh Hà Văn A đã được Toà án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án nhưng anh A không có văn bản trình bày ý kiến của mình, không cung cấp tài liệu, chứng cứ. Toà án cũng đã tống đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh A cũng không đến Toà án để trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị H nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Toà án đã tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập anh Hà Văn A hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh A vẫn vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử ngày hôm nay. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng bị đơn đã được toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Toà án cũng đã triệu tập bị đơn anh Hà Văn A hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên toà nhưng anh A vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Hà Văn A là phù hợp điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét lời trình bày của chị Phạm Thị Thanh H và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy: Chị Phạm Thị Thanh H và anh Hà Văn A sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã TB, huyện CG, tỉnh TG vào ngày 20/9/2013 nên hôn nhân giữa chị H và anh A là hợp pháp. Trong thời gian chung sống chị H và anh A đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hàn gắn đoàn tụ được. Do đó có căn cứ xác định hôn nhân giữa chị H và anh A đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

Về con chung ấp dụng các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung tên Phạm Thị Như B, sinh ngày 11/12/2015 cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi còn nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Toà án nhân dân huyện Lấp Vò nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị Thanh H yêu cầu được ly hôn với anh Hà Văn A và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn nên quan hệ tranh chấp được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con sau khi ly hôn". Bị đơn Hà Văn A có hộ khẩu và cư trú tại huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò theo quy định tại khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Toà án đã triệu tập hợp lệ anh Hà Văn A đến phiên toà lần thứ hai nhưng anh A vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Hà Văn A.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Thanh H và anh Hà Văn A mặc dù không tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã TB, huyện CG, tỉnh TG cấp giấy chứng nhận kết hôn số 77/2013 quyển số 01 vào ngày 20 tháng 9 năm 2013 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh A là hợp pháp. Chị H trình bày vợ chồng sống chung hạnh phúc được thời gian đầu sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và đã xa nhau từ ngày 20 tháng 10 năm 2015 cho đến nay mà không hàn gắn được. Bị đơn anh Hà Văn A đã được Toà án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh A không có văn bản trình bày ý kiến của mình cũng như không đến Toà án để trực tiếp trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị H. Tại biên bản xác minh ngày 16 tháng 10 năm 2018 bà Hà Thị D là mẹ ruột của anh Hà Văn A trình bày: Chị Phạm Thị Thanh H là vợ của Hà Văn A và là con dâu của bà D. Việc chị H nộp đơn yêu cầu ly hôn tại Toà án nhân dân huyện Lấp Vò thì con của bà là Hà Văn A có biết, vì mỗi lần Toà án gửi thông báo hay giấy triệu tập bà D đều gọi điện thoại báo cho anh A nhưng anh A nói bận đi làm không đến Toà án được và anh A có nói với bà việc chị H yêu cầu ly hôn anh A cũng đồng ý. Bản thân bà D thấy giữa chị H và anh A từ lâu không con sống chung với nhau, cuộc sống mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Nay chị H yêu cầu ly hôn thì yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn vì anh A và chị H đã xảy ra mâu thuẫn từ lâu không thể hàn gắn được. Tại phiên toà ngày hôm nay anh A cũng không đến Toà án để trình bày ý kiến của mình mà không có lý do, điều đó thể hiện anh A không mong muốn Toà án hoà giải để vợ chồng đoàn tụ mà để mặc cho cuộc hôn nhân này. Do đó, có đủ căn cứ để xác định hôn nhân giữa chị H và anh A đã lâm vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Thanh H đối với anh Hà Văn A.

[4] Về con chung: Theo chị H trình bày vợ chồng sống chung có 01 con chung tên Phạm Thị Như B, sinh ngày 11/12/2015, hiện nay cháu Như B đang do chị H nuôi dưỡng. Sau ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy từ khi chị H và anh A sống xa nhau, con chung do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đã ổn định và chị H khẳng định chị có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Hà Văn A cũng không có ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung. Mặt khác, cháu Như B hiện nay chưa đủ 36 tháng tuổi, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Phạm Thị Như B, sinh ngày 11/12/2015. Về cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H trình bày không có, còn anh A không trình bày ý kiến của mình nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị Thanh H phải chịu án phí sơ là 300.000đ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án. Anh Hà Văn A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Thanh H được ly hôn với anh Hà Văn A.

2. Về con chung: Giao con chung tên Phạm Thị Như B, sinh ngày 11/12/2015 cho chị Phạm Thị Thanh H được trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu nên không xem xét.

Sau khi ly hôn anh Hà Văn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, chị Phạm Thị Thanh H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở và anh Hà Văn A không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con của Phạm Thị Thanh H.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Phạm Thị Thanh H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp theo biên lai số 0002959 ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

6. Chị Phạm Thị Thanh H được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm ngày) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Hà Văn A được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án đươc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a , 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND H.Lấp Vò;
- Chi cục THADS H.Lấp Vò;
- UBND xã TB, H. CG, tỉnh TG;
- Lưu: VP- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký và đóng dấu)
Phan Văn Nội